

CÔNG TY TNHH AN BÀNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AN BÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: AN BÀNG

2. Mã số doanh nghiệp: 0110730496

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô CT2A-2-13.1, Tòa CT2A Gelexia Riverside, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu ; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ bán buôn thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4741
13.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
14.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4752
16.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4753
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
19.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
23.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
24.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
25.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
27.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
28.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (trừ bán buôn thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4783
29.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đấu giá)	4784
30.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
31.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên, bán lẻ vàng các loại)	4789
32.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
33.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá ngoài cửa hàng)	4799

34.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định trong nội thành	4921
35.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
36.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe taxi ; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
40.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển	5011
41.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
42.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	5021
43.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
46.	Bốc xếp hàng hóa	5224
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa (Trừ dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510(Chính)
50.	Cơ sở lưu trú khác	5590
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm các hoạt động kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường)	5610

52.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
53.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
54.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
55.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
56.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất phim điện ảnh)	5911
57.	Hoạt động hậu kỳ (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
58.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí, hoạt động phát hành chương trình truyền hình, hoạt động cấp bản quyền)	5913
59.	Hoạt động chiếu phim	5914
60.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (trừ hoạt động xuất bản âm nhạc)	5920
61.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ lập trình, phát triển và thực hiện phần mềm	6201
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt phần mềm	6209
64.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
65.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
66.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Không gồm các thông tin nhà nước cấm và dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
69.	Quảng cáo (trừ quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, thuốc lá, rượu)	7310

70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
71.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh; trừ sản xuất phim)	7420
72.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, tư vấn chứng khoán)	7490
73.	Cho thuê xe có động cơ	7710
74.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ cho thuê súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, kinh doanh karaoke)	7721
75.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
76.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
79.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
80.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
81.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
87.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Đào tạo trình độ sơ cấp	8531
88.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo trình độ trung cấp	8532
89.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Đào tạo trình độ cao đẳng	8533
90.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
91.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ kinh doanh vũ trường)	8552
92.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ các trường của các tổ chức Đảng, Đoàn thể, dạy tôn giáo)	8559
93.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (trừ dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, dịch vụ kiểm tra giáo dục)	8560

94.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9000
95.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Trừ hoạt động của các sàn nhảy, karaoke, vũ trường)	9311
96.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ hoạt động của các sàn nhảy)	9312
97.	Hoạt động thể thao khác	9319
98.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
99.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động của các sàn nhảy; hoạt động của các phòng hát karaoke; các hoạt động nhà nước cấm)	9329
100.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
101.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
102.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
103.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (trừ các dịch vụ gây chảy máu)	9631
104.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	Việt Nam	P303 Nhà A3, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	40,000	025176000471	
2	NGUYỄN DUY TUYÊN	Việt Nam	P804 A2 Đền Lừ II, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	60,000	038078005202	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN DUY TUYÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038078005202

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P804 A2 Đền Lừ II, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P804 A2 Đền Lừ II, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội